

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1410/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương nhiệm vụ Phương án phát triển vùng nguyên liệu cho dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại xã Yên Mỹ và xã Công Bình, huyện Nông Cống đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 26/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại xã Yên Mỹ và xã Công Bình, huyện Nông Cống; điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 5359/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 58/TTr-SNN&PTNT ngày 08/4/2019; của Công ty TNHH hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ Phương án phát triển vùng nguyên liệu cho dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại xã Yên Mỹ và xã Công Bình, huyện Nông Cống đến năm 2025, với các nội dung chính như sau:

1. Tên phương án: Phương án phát triển vùng nguyên liệu cho dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại xã Yên Mỹ và xã Công Bình, huyện Nông Cống đến năm 2025.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn 10 xã của 3 huyện, gồm: Xã Thanh Tân, Thanh Kỳ, Yên Lạc (huyện Như Thanh); xã Công Bình, Công Chính, Yên Mỹ, Tượng Sơn, Công Liêm (huyện Nông Cống); xã Xuân Hòa, Xuân Bình (huyện Như Xuân).

3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ.

4. Nội dung đề cương nhiệm vụ phương án (có Phụ lục kèm theo)

5. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện lập phương án dự kiến 6 tháng kể từ ngày đề cương phương án được phê duyệt.

6. Hồ sơ trình thẩm định phê duyệt

Số lượng hồ sơ, phương án giao nộp theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ở từng bước trình duyệt. Thành phần hồ sơ, phương án gồm:

- Tờ trình của cơ quan có thẩm quyền;
- Phương án và các phụ lục, bảng biểu, văn bản liên quan kèm theo.

7. Kinh phí lập phương án: Từ nguồn kinh phí của Công ty TNHH hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ.

8. Tổ chức thực hiện

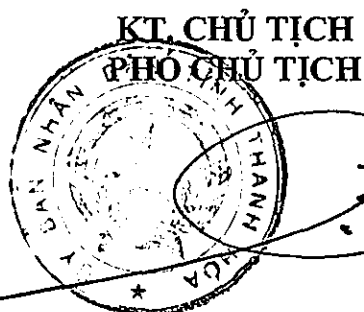
- Cơ quan phê duyệt phương án: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Công ty TNHH hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh, Như Xuân và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

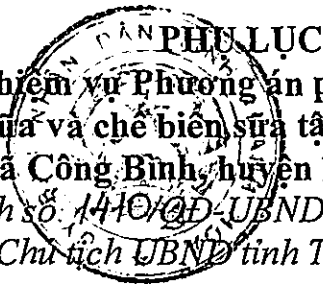
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh, Như Xuân; Công ty TNHH hai thành viên ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa Yên Mỹ; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NN. (01.2019)



Nguyễn Đức Quyền



Nội dung đề cương nhiệm vụ Phương án phát triển vùng nguyên liệu cho dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp tại xã Yên Mỹ và xã Công Bình, huyện Nông Cống đến năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Mở đầu

1. Sự cần thiết phải lập phương án
2. Những căn cứ xây dựng phương án
3. Mục tiêu của phương án
4. Phạm vi và quy mô của phương án
5. Nhiệm vụ của phương án

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VÙNG LẬP PHƯƠNG ÁN

- 1.1. Điều kiện tự nhiên
- 1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội
- 1.3. Đánh giá tổng quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến vùng sản xuất của phương án

II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU THỨC ĂN THÔ XANH CHO CHĂN NUÔI BÒ CỦA VÙNG LẬP PHƯƠNG ÁN

- 2.1. Quy mô của vùng nguyên liệu
 - Về diện tích.
 - Về năng suất.
 - Về sản lượng.
- 2.2. Cơ cấu giống nguyên liệu thức ăn thô xanh cho chăn nuôi bò
- 2.3. Tình hình ứng dụng khoa học kỹ thuật cho sản xuất nguyên liệu
- 2.4. Hệ thống dịch vụ phục vụ phát triển vùng nguyên liệu
- 2.5. Tình hình liên kết sản xuất nguyên liệu
- 2.6. Cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nguyên liệu
- 2.7. Những thuận lợi, hạn chế và nguyên nhân.

III. NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG ÁN

- 3.1. Quan điểm phát triển
- 3.2. Phương hướng sản xuất
- 3.3. Mục tiêu của phương án
 - Mục tiêu tổng quát.
 - Mục tiêu cụ thể.
- 3.4. Xác định quỹ đất trồng cỏ của các phương án sản xuất
 - 3.4.1. Diện tích đất thuê
 - Diện tích đất thuê từ các doanh nghiệp khác.

- Diện tích đất thuê từ các hộ gia đình, cá nhân.

- Diện tích đất thuê từ các đơn vị khác.

3.4.2. Diện tích đất liên doanh, liên kết

- Diện tích liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp.

- Diện tích liên doanh, liên kết với các Ban Quản lý rừng phòng hộ.

- Diện tích liên doanh, liên kết với các hộ gia đình, cá nhân.

3.5. Xác định các loại đất trong vùng nguyên liệu

- Xác định loại đất theo độ dốc.

- Xác định loại đất theo đặc tính nông hóa.

- Xác định diện tích đất theo cự ly đến nhà máy.

- Xác định diện tích không chồng lấn lên các chương trình, dự án khác.

3.6. Xác định các hình thức tổ chức liên kết

- Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân (hợp tác xã, Tổ trưởng tổ hợp tác).

- Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp trong cung cấp vật tư, phân bón cho nông dân (hợp đồng liên kết cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...).

- Hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân trong cung cấp giống (hợp đồng liên kết cung ứng giống...).

3.7. Kế hoạch diện tích, năng suất, sản lượng dự kiến theo từng năm, từng mùa vụ liên kết

3.8. Kế hoạch đầu tư xây dựng và củng cố hạ tầng phục vụ sản xuất

3.9. Kế hoạch đầu tư, chi phí vật tư, phân bón và lao động cho sản xuất theo mùa vụ trong phương án sản xuất

3.10. Kế hoạch tập huấn phát triển vùng nguyên liệu

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

4.1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về phát triển vùng nguyên liệu thức ăn thô xanh cho chăn nuôi bò

4.2. Giải pháp thu mua, vận chuyển nguyên liệu thức ăn thô xanh cho chăn nuôi bò

4.3. Giải pháp ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất

4.4. Giải pháp tập trung, tích tụ đất nông nghiệp

4.5. Giải pháp về chính sách phát triển vùng nguyên liệu

4.6. Tổ chức sản xuất và quản lý vùng nguyên liệu

V. HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

5.1. Hiệu quả kinh tế

5.2. Hiệu quả xã hội

5.3. Hiệu quả môi trường